

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2021/QH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ

quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 22/2022/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số nội dung trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao thuộc ngành giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 50/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 14389/TTr-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2023 về Quyết định ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5427/BC-STP-VB ngày 02 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa và Thể thao, Lao động, Thương binh và Xã hội; các Ban quản lý trực

thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (gọi tắt là PPP) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ áp dụng Quy định này đối với các bước lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng và triển khai thực hiện hợp đồng dự án.

3. Quy định này không áp dụng đối với các dự án PPP thực hiện trên địa bàn thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 98/2023/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện dự án PPP trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn

1. Công tác phối hợp quản lý, thực hiện dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị do pháp luật quy định.

2. Việc lấy ý kiến trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư dự án được thực hiện

như sau:

a) Cơ quan lấy ý kiến phải xác định rõ nội dung cần lấy ý kiến, gửi đầy đủ hồ sơ; nội dung lấy ý kiến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến, phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

b) Các cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời rõ ràng, cụ thể, nêu rõ chính kiến về từng vấn đề được lấy ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung có ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; đảm bảo đúng thời gian quy định. Nếu cơ quan được lấy ý kiến trả lời không rõ hoặc không trả lời đúng tiến độ quy định, cơ quan lấy ý kiến tiếp tục thực hiện thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo. Cơ quan góp ý thẩm định chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh (nếu có) trong việc trả lời không rõ ràng hoặc không trả lời đúng tiến độ quy định.

c) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định dự án, việc lấy ý kiến, phản hồi lấy ý kiến thực hiện theo kế hoạch thẩm định được duyệt.

3. Chế độ họp trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan, đơn vị tuân thủ đúng Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các Sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan trong thẩm quyền cho phép đến đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án (gồm cả cơ quan nhà nước và nhà đầu tư) để phục vụ tốt công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.

Điều 4. Cơ quan chuyên môn, ban quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP trên địa bàn Thành phố

Các cơ quan chuyên môn, ban quản lý chuyên ngành đối với các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP được quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 98/2023/QH15 được xác định như sau:

1. Cơ quan chuyên môn về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (gọi tắt là cơ quan chuyên môn PPP):

a) Sở Giao thông vận tải đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải;

b) Sở Công Thương đối với dự án thuộc lĩnh vực lưới điện, nhà máy điện, trù nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;

d) Sở Xây dựng đối với dự án thuộc lĩnh vực cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải;

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án thuộc lĩnh vực xử lý chất thải;

e) Sở Y tế đối với dự án thuộc lĩnh vực y tế;

g) Sở Giáo dục và Đào tạo đối với dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo;

h) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đối với dự án thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

i) Sở Thông tin và Truyền thông đối với dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng công nghệ thông tin;

k) Sở Văn hóa và Thể thao đối với dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao.

2. Ban quản lý chuyên ngành về các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP (gọi tắt là ban quản lý chuyên ngành PPP):

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường bộ; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường sắt;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị đối với dự án thuộc lĩnh vực cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải;

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;

đ) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể thao; hạ tầng công nghệ thông tin; năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện.

3. Trường hợp dự án liên quan đến lĩnh vực phụ trách, quản lý của từ 2 cơ quan trở lên quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cơ quan chuyên môn PPP, ban quản lý chuyên ngành PPP.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CÔNG BỐ DỰ ÁN

Điều 5. Lập đề xuất, trình chấp thuận lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Đơn vị chuẩn bị dự án trong trường hợp dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập:

a) Dự án nhóm

A theo quy định của pháp luật về đầu tư công: Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn PPP theo lĩnh vực quản lý được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này là đơn vị chuẩn bị dự án.

b) Dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công: Ủy ban nhân dân Thành phố giao ban quản lý chuyên ngành PPP theo lĩnh vực quản lý được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy định này là đơn vị chuẩn bị dự án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tiếp nhận văn bản đề xuất thực hiện dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất hoặc đề nghị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án từ các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận đề xuất lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP của các Sở, ban ngành hoặc nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.

b) Các cơ quan được lấy ý kiến bao gồm:

- Cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý có ý kiến về sự

thiết đầu tư; sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; sự phù hợp lĩnh vực và quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu; các yếu tố đầu vào đầu ra của dự án PPP; không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án; có lợi thế so với hình thức đầu tư khác;

- Sở Tài chính có ý kiến về khả năng bố trí vốn nhà nước trong trường hợp có nhu cầu sử dụng vốn nhà nước;

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc có ý kiến về sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan.

- Ban Quản lý đầu tư và xây dựng khu đô thị mới Nam Thành phố, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị Thủ Thiêm, Ban quản lý khu công nghệ cao, Ban Quản lý khu nông nghiệp công nghệ cao, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp có ý kiến đối với các dự án thuộc khu vực mình quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (kèm theo đầy đủ hồ sơ). Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP.

Điều 6. Lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Đối với các dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan có thẩm quyền và do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án thực hiện lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

a) Đối với dự án do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập:

Ủy ban nhân dân Thành phố giao đơn vị chuẩn bị dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án.

Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan

Trung ương trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư (công tác xây dựng Kế hoạch thẩm định, góp ý thẩm định hồ sơ dự án và các nội dung khác).

b) Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất:

Cơ quan chuyên môn PPP theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện công tác phối hợp với các cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố, việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thực hiện như sau:

a) Đối với các dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở để thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

b) Đối với các dự án nhóm B, C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, cơ quan chuyên môn PPP theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này chủ trì thẩm định.

3. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tương ứng với các nội dung thẩm định theo Mẫu số 02 (Mẫu thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, bao gồm các nội dung sau:

a) Đánh giá về hồ sơ dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

b) Sự phù hợp với điều kiện lựa chọn dự án để đầu tư theo phương thức PPP quy định tại Điều 14 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

- Sự cần thiết phải đầu tư dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp về lĩnh vực đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Nghị quyết số 98/2023/QH15: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Sự không trùng lặp với dự án PPP đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Lợi thế so với các hình thức đầu tư khác: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

- Khả năng bố trí vốn nhà nước: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Sự phù hợp với căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

- Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp của dự án với quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan đến lĩnh vực đầu tư của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Sự phù hợp của dự án với các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có): cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

d) Hiệu quả đầu tư của dự án:

- Đánh giá sự phù hợp của phương án sơ bộ về kỹ thuật, công nghệ: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ;

- Đánh giá đề xuất phân chia thành các dự án thành phần: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Tài chính;

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội, tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế của dự án (BCR): Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Sự phù hợp của phần thuyết minh về tác động của dự án đối với môi trường, xã hội và các nội dung khác: Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

đ) Khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư:

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố tài chính đầu vào, trong đó bao gồm chi phí trong suốt vòng đời dự án (gồm tổng mức đầu tư, chi phí khai thác, vận hành), doanh thu, các thông số đầu vào khác; các chỉ tiêu tài chính và sơ bộ phương án tài chính của dự án: Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

- Đánh giá sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý.

e) Sự phù hợp khi áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (đối với dự án có áp dụng cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu): Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

g) Đánh giá sự phù hợp của loại hợp đồng dự án PPP trên cơ sở xem xét các yếu tố: nguồn thu và khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư; thời gian hoàn vốn và thời hạn hợp đồng dự án; tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, bao gồm rủi ro đối với ngân sách địa phương, khả năng chi trả của cộng đồng người sử dụng dịch vụ của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

h) Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án PPP có sử dụng vốn nhà nước:

- Đối với dự án có sử dụng vốn đầu tư công: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

- Đối với dự án sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên để thanh toán cho doanh nghiệp dự án: Sở Tài chính;

- Đối với dự án sử dụng nguồn thu hợp pháp dành để chi thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để thanh toán cho doanh nghiệp dự án: Sở

Tài chính, đơn vị có nguồn thu;

- Đối với dự án sử dụng giá trị tài sản công làm phần Nhà nước tham gia: Cơ quan được giao chủ trì thẩm định tổng hợp giá trị tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan để tham gia dự án PPP.

i) Hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

k) Một số nội dung khác (đánh giá mục tiêu, quy mô, địa điểm, nhu cầu sử dụng đất, thời gian thực hiện,...): cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại khoản 3 Điều này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

Điều 7. Công bố dự án PPP

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định chủ trương đầu tư dự án, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có), quyết định đầu tư dự án, quyết định điều chỉnh dự án (nếu có), Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức công bố thông tin dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN

Điều 8. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP

1. Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư dự án, đơn vị chuẩn bị dự án quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này và nhà đầu tư tiến hành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thực hiện tương tự

quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này.

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất, sau khi dự án được quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP theo lĩnh vực quản lý quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản thỏa thuận giữa Ủy ban nhân dân Thành phố và nhà đầu tư về việc giao cho nhà đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp, có ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tương ứng với các nội dung thẩm định theo Mẫu số 02 (Mẫu thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi) Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, bao gồm các nội dung sau:

a) Căn cứ pháp lý để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp.

b) Sự cần thiết đầu tư dự án, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

c) Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án: Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức;

d) Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

đ) Lợi thế của việc đầu tư dự án theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác: Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý;

e) Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

g) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật (xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ

thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính thực tiễn của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật): Cơ quan chuyên môn về xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công làm vốn hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng, xem xét sự phù hợp của thuyết minh về các yêu cầu kỹ thuật dẫn đến phương thức quản lý và sử dụng phần vốn này (tiểu dự án hoặc hạng mục): Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính;

- Thiết kế cơ sở đối với dự án có cấu phần xây dựng:

+ Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực giao thông;

+ Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực: cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; cơ sở khám chữa bệnh, y tế dự phòng, kiểm nghiệm; văn hóa, thể thao;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực thủy lợi;

+ Sở Công Thương chịu trách nhiệm thẩm định đối với các công trình thuộc lĩnh vực: năng lượng tái tạo, nhiệt điện than, nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG), điện hạt nhân, lưới điện, trừ các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực.

- Thiết kế cơ sở đối với dự án không có cấu phần xây dựng: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

- Các yếu tố đầu ra của dự án: cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án;

h) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và

Đầu tư;

- Tác động của dự án đối với môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Tác động của dự án đối với xã hội: cơ quan chuyên môn PPP đối với dự án thuộc lĩnh vực quản lý, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức theo địa bàn quản lý;

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố;

i) Tính khả thi về mặt tài chính:

- Đánh giá tính hợp lý của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính - NPV; Tỷ suất nội hoàn tài chính - IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án: Sở Tài chính;

- Vốn nhà nước tham gia trong dự án:

+ Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư;

+ Sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư: Sở Tài chính;

+ Xem xét khả năng bảo đảm không dẫn đến các khoản nợ tài chính ngoài dự kiến cho phía Nhà nước: Sở Tài chính.

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư; nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn để xử lý rủi ro từ dự phòng ngân sách trung ương hay địa phương theo quyết định chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

k) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư;

l) Sự phù hợp của các nội dung về lựa chọn nhà đầu tư (không áp dụng đối với dự án ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới): Sở Kế hoạch và Đầu tư.

m) Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án:

cơ quan chủ trì thẩm định xác định đơn vị tham gia thẩm định theo lĩnh vực và yêu cầu của dự án.

4. Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, thành viên Hội đồng thẩm định thuộc các cơ quan trên có trách nhiệm có ý kiến thẩm định theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan cử thành viên tham gia theo các nội dung được quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với các thành viên Hội đồng thẩm định không thuộc các cơ quan được nêu tại khoản 3 Điều này, chức năng nhiệm vụ thẩm định căn cứ theo Kế hoạch thẩm định được phê duyệt.

Điều 9. Khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

1. Căn cứ tình hình chuẩn bị dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố giao Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (ITPC) đăng tải thông báo khảo sát bằng tiếng Anh và tiếng Việt trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố; bằng tiếng Việt đối với dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư, dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 31 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

2. Nhà đầu tư quan tâm đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc liên hệ ITPC để được hướng dẫn.

Trong trường hợp cần thiết ITPC đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị giới thiệu, trao đổi với các nhà đầu tư về các nội dung liên quan đến dự án trong thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án.

3. Hết thời hạn đăng ký quan tâm thực hiện dự án, ITPC tổng hợp, báo cáo Kết quả khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương IV

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ, ĐÀM PHÁN, HOÀN THIỆN VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN PPP

Điều 10. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong lựa chọn nhà đầu tư

1. Đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố giao làm Bên mời thầu có trách

nhiệm tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và các nhiệm vụ khác của Bên mời thầu theo quy định của pháp luật PPP và pháp luật khác có liên quan; thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, trong đó:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường bộ; đường thủy nội địa; hàng hải; hàng không;

b) Ban Quản lý đường sắt đô thị thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông vận tải: đường sắt;

c) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải;

d) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi;

đ) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thực hiện trách nhiệm của Bên mời thầu đối với dự án thuộc lĩnh vực: y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể thao; hạ tầng công nghệ thông tin; năng lượng tái tạo; nhiệt điện than; nhiệt điện khí (bao gồm cả khí thiên nhiên hóa lỏng - LNG); điện hạt nhân; lưới điện.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Bên mời thầu phê duyệt các nội dung sau trong vòng 60 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực:

a) Hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 38 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Kết quả sơ tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Hồ sơ mời đàm phán theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 43 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

d) Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các nội dung sau:

a) Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Đàm phán, hoàn thiện và ký kết hợp đồng dự án

1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, Bên mời thầu chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn PPP tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy định này và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành đàm phán, hoàn thiện dự thảo hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 64 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cơ quan chuyên môn PPP quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này theo từng lĩnh vực làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong vòng 60 tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực.

3. Trường hợp dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của từ 2 cơ quan chuyên môn PPP trở lên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc ủy quyền cho một cơ quan ký kết hợp đồng dự án.

4. Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP tại khoản 2, khoản 3 Điều này có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Chương V

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 12. Tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án PPP

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp

dự án tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan khác, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan này.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện chức năng nhiệm vụ của chính quyền địa phương theo quy định pháp luật về đất đai để tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư đối với các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án trên địa bàn.

3. Cơ quan ký kết hợp đồng phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định pháp luật; kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời những nội dung liên quan theo quy định tại pháp luật về đất đai.

Điều 13. Điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án PPP

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan trong việc lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 14. Dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối với dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng không thực hiện, phải dừng, chấm dứt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án hoặc thực hiện chuyển đổi phương thức đầu tư (trước khi tổ chức lựa chọn nhà đầu tư) thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan chủ trì thẩm định trước đó tiếp tục chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b) Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định thì Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định thành

lập Nhóm Công tác liên ngành thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này hoặc khoản 1 Điều này. Nhóm Công tác liên ngành không thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên môn thay cho các Sở ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 15. Chấm dứt Hợp đồng dự án

Cơ quan ký kết hợp đồng dự án chịu trách nhiệm:

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chấm dứt, đình chỉ hợp đồng dự án PPP đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân Thành phố khi phát hiện có hành vi vi phạm hợp đồng hoặc quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn:

a) Trường hợp nhận thấy có căn cứ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó nêu rõ nguyên nhân, điều kiện, quyền và nghĩa vụ đã thực hiện, quyền và nghĩa vụ chưa thực hiện, phương án xử lý đối với việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; xem xét, chấp thuận phương án xử lý tài chính, quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên trong trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Tổ chức thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 16. Giám sát hoạt động đầu tư theo phương thức PPP

1. Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án chịu trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình đầu tư dự án theo nội dung được phê duyệt và hợp đồng dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP;

b) Kiểm tra, giám sát triển khai thực hiện dự án PPP; bao gồm huy động, sử dụng vốn đầu tư của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP theo hợp đồng dự án PPP theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Nghị định 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm

2021.

c) Tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 61 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án PPP theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án trên địa bàn Thành phố.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

Việc chuyển tiếp các dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức Hợp tác công tư, Điều 91 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, ủy quyền giải quyết các công việc hoặc ký kết hợp đồng các dự án PPP trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các văn bản đã giao, ủy quyền hoặc tiếp tục thực hiện vai trò của bên ký kết hợp đồng, trừ khi quy định pháp luật hiện hành có quy định khác.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan thông tin, báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tập hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

4. Các nhiệm vụ, quyền hạn không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật chuyên

ngành.

5. Khi các quy định được viện dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.